

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: NGŨ VĂN 9
Năm học: 2024 – 2025

(TÀI LIỆU THAM KHẢO)

I. TRI THỨC VĂN BẢN

Chủ đề 1: Thương nhớ quê hương:

1. Quê hương (Té Hanh)
2. Bếp lửa (Bằng Việt)
3. Vẻ đẹp của Sông Đà (Nguyễn Tuân)
4. Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)

Chủ đề 2: Giá trị của văn chương

1. Về hình tượng bà Tú trong bài *Thương vợ* (Chu Văn Sơn)
2. Ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh)
3. Thơ ca (Ra-xun Gam-da-tốp)
4. Tính đa nghĩa trong bài thơ *Bánh trôi nước* (Vũ Dương Quỹ)

Chủ đề 3: Những di tích lịch sử và danh thắng

1. Vườn quốc gia Cúc Phương (Đào Thị Luyến, Hoàng Trà My, Hoàng Lan Anh)
2. Ngọ Môn (Lê Đình Phúc)
3. Nhiều giá trị khảo cổ từ Hoàng Thành Thăng Long cần được Unesco công nhận (Nguyễn Thu Hà)
4. Cột cờ thủ ngữ-Di tích cổ bên sông Sài Gòn (Ngô Nam)

Chủ đề 5: Khát vọng công lí.

1. Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Nguyễn Đình Chiểu)
2. Thúy Kiều báo ân, báo oán (Nguyễn Du)
3. Nhân vật lí tưởng trong kết thúc của truyện cổ tích thần kì (Bùi Mạnh Nhị, Nguyễn Tấn Phát)
4. Tiếng đàn giải oan (Truyện thơ Nôm khuyết danh)

Yêu cầu:

- HS nắm được tên tác phẩm, tác giả, thể loại, PTBĐ.
- Nắm được giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của mỗi tác phẩm.
- Vận dụng để trả lời phần đọc hiểu.

II. TRI THỨC TIẾNG VIỆT

1. Chơi chữ.

- Là biện pháp tu từ sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản.
- Dựa trên các hiện tượng: đồng âm, gần âm, nói lái, tách từ...

2. Điệp thanh.

Là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường là cùng thuộc thanh bằng hay thanh trắc) nhằm tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.

3. Điệp vần.

Là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần gần giống nhau nhằm tăng sức biểu cảm và nhạc tính cho văn bản.

4. Đạo văn.

- Là hành vi sao chép lời nói, ý tưởng, quan điểm... của người khác và coi đó như là của mình. Đây là hành vi vi phạm đạo đức trong học tập, nghiên cứu.
- Cần trích dẫn đúng quy định:
 - + Cách dẫn trực tiếp: Ghi lại nguyên văn phần trích dẫn và để trong dấu ngoặc kép, ghi rõ nguồn trích dẫn (tên tác phẩm, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, trang...)
 - + Cách dẫn gián tiếp: Ghi lại lời dẫn, không được đặt trong dấu ngoặc kép, ghi nguồn.

5. Phương tiện phi ngôn ngữ.

Trong văn bản thông tin, người viết thường sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ,...) để trình bày thông tin một cách trực quan và làm nổi bật những thông tin quan trọng.

6. Các biện pháp tu từ.

- Xác định được biện pháp tu từ (Nhân hóa, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, liệt kê, điệp từ, nói quá, nói giảm nói tránh, chơi chữ...)
- Nêu được tác dụng/hiệu quả nghệ thuật.

7. Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp

| | Cách dẫn trực tiếp | Cách dẫn gián tiếp |
|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giống nhau | Đều dẫn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật | |
| Khác nhau | <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nguyên văn. - Đặt sau dấu hai chấm và trong dấu ngoặc kép. - Sau dấu hai chấm và sau dấu gạch đầu dòng (lời thoại của nhân vật) | <ul style="list-style-type: none"> - Thuật lại được điều chỉnh. - Không được đặt trong dấu ngoặc kép. - Thường đứng sau chữ: rằng/ là/ bảo... |

8. Diễn cố, diễn tích.

- **Đặc điểm:** là sự việc, câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong tác phẩm văn học.
- **Tác dụng:** Làm cho cách diễn đạt trở nên hàm súc, uyên bác, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộc lộ thái độ, cảm xúc của tác giả, đem lại hứng thú cho người đọc.

III. TRI THỨC TẬP LÀM VĂN

1. Văn bản nghị luận.

a. Cách trình bày trong văn bản nghị luận:

* Cách trình bày vấn đề khách quan:

- Khái niệm: chỉ đưa thông tin, nêu ra bằng chứng khách quan.
- Tác dụng: Tạo cơ sở vững chắc (từ pháp lí, từ thực tiễn...), đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận.

* Cách trình bày vấn đề chủ quan:

- Khái niệm: đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết.
- Tác dụng: Tác động đến cảm xúc người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, lôi cuốn tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.

→ Cần kết hợp cả hai cách trình bày khách quan và cách trình bày chủ quan để làm nên sức thuyết phục của văn bản nghị luận.

b. **Luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng** trong văn nghị luận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. (Lí lẽ, bằng chứng làm sáng tỏ luận điểm; luận điểm chứng minh cho luận đề)

c. **Viết bài văn nghị luận**

* **Viết đoạn văn:**

- **Dàn ý chung viết đoạn văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết**

| | |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở đoạn | Giới thiệu vấn đề cần giải quyết |
| Thân đoạn | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích - Thực trạng - Biểu hiện (dẫn chứng từ thực tế) - Nguyên nhân (chủ quan, khách quan) - Phân tích mặt đúng/sai, tốt / xấu, lợi/hại,... của vấn đề - Giải pháp - Mở rộng vấn đề/ phản đề |
| Kết đoạn | <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề nghị luận - Liên hệ bản thân |

- **Dàn ý chung viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về một bài thơ tám chữ**

| | |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở đoạn | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả. - Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ. |
| Thân đoạn | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét độc đáo trong nội dung của bài thơ. - Trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét độc đáo trong hình thức nghệ thuật của bài thơ. (hình ảnh, từ ngữ, BPTT...) |
| Kết đoạn | <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại cảm nghĩ của em về bài thơ - Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân em |

* **Viết bài văn:**

- **Dàn ý chung bài văn NLXH về một vấn đề cần giải quyết**

| | |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở bài | Giới thiệu vấn đề cần giải quyết |
| Thân bài | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích - Thực trạng - Biểu hiện - Nguyên nhân (chủ quan, khách quan) - Phân tích mặt đúng/sai, tốt / xấu, lợi/hại,... của vấn đề (bằng chứng từ thực tế) - Giải pháp (Phân trọng tâm) <ul style="list-style-type: none"> + Giải pháp thứ nhất + Giải pháp thứ hai + Giải pháp thứ ba ... -> Tác dụng của từng giải pháp. - Mở rộng vấn đề/ phản đề |
| Kết bài | <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề nghị luận - Liên hệ bản thân |

- **Dàn ý chung bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.**

| | |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở bài | - Giới thiệu về tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả) - Nêu ý kiến khái quát về chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |
| Thân bài | - Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm. + Phân tích lí lẽ + Bằng chứng để làm sáng tỏ một vài khía cạnh nội dung chủ đề. - Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật + Phân tích lí lẽ + Bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. |
| Kết bài | - Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. - Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |

2. Văn bản thông tin:

a. **Về cấu trúc:** gồm 3 phần

- **Phần mở đầu:** Giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

- **Phần nội dung:** Giới thiệu có hệ thống những phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

+ Vị trí địa lí

+ Lịch sử hình thành

+ Nhân vật lịch sử có liên quan

+ Đặc điểm kiến trúc/cảnh quan

+ Vẻ đẹp

+ Cảnh quan...

b. **Về đặc điểm hình thức:**

- Sử dụng các đề mục

- Từ ngữ chuyên ngành

- Từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm

- Hình ảnh minh họa, sơ đồ/bản đồ... (phương tiện phi ngôn ngữ)

c. **Về cách trình bày thông tin:**

- Theo trật tự thời gian

- Theo trật tự không gian

- Theo cách phân loại đối tượng

- Mối quan hệ nhân quả.

* **Dàn ý chung bài văn thuyết minh về một di tích lịch sử hoặc danh lam thắng cảnh.**

| | |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở bài | - Giới thiệu đối tượng thuyết minh: Danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử mà em định giới thiệu. - Cảm nghĩ khái quát của em về danh lam thắng cảnh đó. |
| | a) Giới thiệu khái quát: - Vị trí địa lí, địa chỉ. - Diện tích. |

| | |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thân bài | <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện di chuyển đến đó. - Khung cảnh xung quanh. b) Giới thiệu về lịch sử hình thành: <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian xây dựng, nguồn gốc hình thành. - Ý nghĩa tên gọi hoặc tên gọi khác (nếu có) c) Giới thiệu về kiến trúc, cảnh vật. <ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc khi nhìn từ xa... - Chi tiết... d) Ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh/di tích lịch sử đó đối với: <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương... - Đất nước... |
| Kết bài | <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại một lần nữa giá trị, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh. - Nêu cảm nghĩ của bản thân. |

3. Truyện truyền kì

a. Khái niệm

- Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại, phản ánh hiện thực qua những yếu tố kì lạ, hoang đường.
- Viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI- XVII.

b. Đặc điểm:

- Không gian truyền kì: giàu yếu tố kì ảo (thế giới con người, thánh thần, ma quỷ có sự tương giao)
- Thời gian truyền kì: cõi trần- cõi âm ti, thủy phủ, thượng giới; con người có thể sống nhiều đời

c. **Nhân vật:** Con người, thần linh, ma, quỷ

d. **Cốt truyện:** Có biến đổi bất ngờ và hợp lí hóa những điều ngẫu nhiên, bất bình.

e. Lời của người kể chuyện:

Là lời của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật

*** Dàn ý chung bài văn viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc:**

| | |
|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mở đầu truyện | Giới thiệu nhân vật, bối cảnh, nội dung chính của truyện kể |
| Diễn biến truyện | <ul style="list-style-type: none"> - Thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lí. - Thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo. - Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện |
| Kết thúc truyện | <ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc truyện phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc - Rút ra bài học từ câu chuyện. |

4. **Truyện thơ Nôm: gồm Văn học dân gian và văn học viết**

a. **Văn học dân gian:**

- Thể tự sự (thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích....)
- Trữ tình (ca dao, dân ca)
- Lời nói dân gian (tục ngữ, câu đố)

b. **Văn học viết:**

- Chữ Hán: Viết bằng văn xuôi
 - Chữ Nôm: Viết bằng văn vần (thơ lục bát)
 - Chữ Quốc ngữ: Từ đầu thế kỉ XX đến nay.
- } Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

c. **Truyện thơ Nôm**

- **Cốt truyện:** theo 2 mô hình.
 - + Gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ.
 - + Nhân – quả (ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ)
- **Nhân vật:** hai tuyến.
 - + Nhân vật chính diện.
 - + Nhân vật phản diện.
- **Lời thoại:** là lời của nhân vật.
 - + Đối thoại.
 - + Độc thoại/ độc thoại nội tâm.

CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA

Thời gian: 90 phút

Hình thức: Tự luận 100%

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Gồm 5 câu hỏi

Câu 1 (0.5 điểm) nhận biết

Câu 2 (0.5 điểm) nhận biết

Câu 3 (1.0 điểm) thông hiểu

Câu 4 (1.0 điểm) thông hiểu

Câu 5 (1.0 điểm) vận dụng

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Gồm 2 câu

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn

- Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ.
- Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.
- Viết đoạn văn nghị luận phân tích một đặc điểm (nội dung hoặc hình thức) của một tác phẩm truyện/ truyện thơ Nôm/ truyện truyền kì/ thơ.

- Viết đoạn văn thuyết minh về một đặc điểm của một danh lam, thắng cảnh hay di tích lịch sử.

Câu 2 (4.0 điểm): Viết bài văn

-Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

-Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện/ truyện thơ Nôm/ truyện truyền kì/ thơ)

- Viết bài văn thuyết minh về một danh lam, thắng cảnh hay di tích lịch sử.

- Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã học

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn 9

Thời gian: 90 phút

I. PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (4 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB GDVN 2015)

Câu 1. Theo tác giả, thời gian có những giá trị nào? (0.5 điểm)

Câu 2: Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0.5 điểm)

Câu 3. Xác định và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ trong văn bản? (1.0 điểm)

Câu 4. Thông điệp ý nghĩa nhất của văn bản trên là gì? Vì sao em lại cho là ý nghĩa nhất? (1.0 điểm)

Câu 5. Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian? (1.0 điểm)

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em cần làm gì để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập?" (2.0 điểm)

Câu 2: Em hãy viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc. (4.0 điểm)

-----Hết-----

MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO

I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề 1: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta.

Hướng dẫn:

*Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề NL: Truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta.

* Thân đoạn:

- Giải thích: Tôn sư trọng đạo là ghi nhớ công ơn, tôn trọng ân nghĩa của thầy cô giáo, coi trọng đạo lí, khắc sâu ơn nghĩa của những người đã dìu dắt, dạy dỗ học trò trong sự nghiệp trồng người.

- Tại sao cần phải “tôn sư trọng đạo”?

+ Thầy cô nâng đỡ, truyền đạt tri thức, chấp cánh nâng đỡ con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời.

+ Thầy cô dạy ta cách sống, cách làm người, hướng con người tới những giá trị sống tốt đẹp.

+ Thầy cô dành cho học trò tình yêu thương như mẹ cha.

+ Thầy cô là những người bạn luôn bên cạnh chia sẻ với học trò mỗi lúc buồn vui hay hạnh phúc.

+ Biết ơn thầy cô giáo là nét đẹp trong cách sống của con người, là biểu hiện của một người thực sự có văn hóa.

- Dẫn chứng:

+ Phạm Sư Mạnh – học trò của cụ Chu Văn An, tuy đã thành quan lớn, nhưng khi quay trở về thăm thầy vẫn kính cẩn, đứng từ xa vái chào. Khi được thầy mời vào nhà chỉ dám ngồi bậc dưới ⇒ Một thái độ, một con người, một nhân cách lớn.

- Ngày nay, truyền thống ấy vẫn được thể hiện một cách đa dạng dưới nhiều hình thức:

+ Học sinh gửi những lời tri ân tới thầy cô nhân ngày 20/11.

+ Học hành chăm chỉ, lễ phép, ngoan ngoãn với thầy cô giáo mang những kiến thức mà thầy cô đã truyền dạy xây dựng tương lai bản thân và làm giàu cho đất nước.

+ Cố gắng trở thành con người sống đẹp, sống có đạo đức, có tài để không phụ công lao dạy dỗ của thầy cô.

- Mở rộng vấn đề.

- Bên cạnh những biểu hiện thể hiện truyền thống “tôn sư trọng đạo” vẫn còn những con người bất kính, vô ơn với thầy cô:

+ Hồn láo với thầy cô.

+ Bày trò chọc phá thầy cô.

+ Làm những hành vi sai trái khiến thầy cô phiền lòng.

⇒ Hành vi, việc làm như vậy phải bị phê phán.

*Kết đoạn:

- Khẳng định lại vấn đề NL: Tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Chúng ta cần giữ gìn và phát huy truyền thống ấy.

- Liên hệ bản thân.

Đề 2: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập?"

Dàn ý

I. Mở bài

Cuộc sống học đường luôn là một hành trình đầy màu sắc, nơi mỗi học sinh đều phải đối mặt với những thử thách và áp lực khác nhau. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay chính là áp lực học tập, một “con bão” có thể cuốn phăng đi niềm vui và sự hứng khởi của tuổi học trò. Tuy nhiên, nếu biết cách vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường.

2. Phân tích vấn đề

Thực trạng:

Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn. Nhiều học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

Nguyên nhân:

- **Chương trình học quá tải:** Chương trình học hiện nay còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và sự liên kết với cuộc sống. Điều này khiến học sinh cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi và khó tiếp thu kiến thức.
- **Kỳ vọng quá cao từ gia đình và xã hội:** Nhiều phụ huynh đặt kỳ vọng quá lớn vào con cái, muốn con mình phải đạt thành tích cao trong học tập để có một tương lai tốt đẹp. Áp lực từ xã hội cũng không nhỏ, khi thành tích học tập thường được coi là thước đo giá trị của một con người.
- **Sự cạnh tranh gay gắt:** Trong môi trường học đường, sự cạnh tranh giữa các học sinh ngày càng khốc liệt. Điều này khiến nhiều em cảm thấy tự ti, lo lắng và sợ thất bại, nhất là với HS lớp 9.

Hậu quả:

- **Suy giảm sức khỏe:** Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh.
- **Giảm hiệu quả học tập:** Áp lực quá lớn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút.
- **Các vấn đề về tâm lý:** Áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

Dẫn chứng:

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

a. Giải pháp từ phía học sinh:

- **Xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả:** Chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn.
- **Quản lý thời gian hợp lý:** Dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác.
- **Tìm hiểu phương pháp học tập phù hợp:** Áp dụng các kỹ thuật ghi nhớ, tổng hợp kiến thức, luyện tập thường xuyên.
- **Tạo thói quen học tập tích cực:** Học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô.
- **Chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần:** Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên, tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn.
- **Lí giải/phân tích:** Việc chủ động và có ý thức trong học tập giúp học sinh tự tin hơn, giảm bớt lo lắng và áp lực. Khi có phương pháp học tập phù hợp và biết cách chăm sóc bản thân, học sinh sẽ có sức khỏe tốt, tinh thần thoải mái, từ đó đạt được kết quả học tập tốt hơn.

b. Giải pháp từ phía gia đình:

- **Tạo không gian học tập thoải mái:** Cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh.
- **Động viên, khích lệ:** Khen ngợi những thành tích của con, giúp con vượt qua những khó khăn.
- **Lắng nghe, chia sẻ:** Tạo điều kiện để con chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập.
- **Không tạo áp lực quá lớn:** Không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao.
- **Hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa:** Giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng.
- **Lí giải/phân tích:** Sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn. Khi có sự thấu hiểu và chia sẻ từ gia đình, học sinh sẽ cảm thấy an tâm, tự tin hơn và có thêm động lực để cố gắng.

c. Giải pháp từ phía nhà trường:

- **Xây dựng môi trường học tập tích cực:** Tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác.
- **Đổi mới phương pháp dạy và học:** Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành.
- **Tổ chức các hoạt động ngoại khóa:** Giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm.
- **Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý:** Hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực.
- **Lí giải/phân tích:** Môi trường học tập tích cực và phương pháp dạy học hiện đại giúp học sinh hứng thú hơn với việc học, giảm bớt căng thẳng và áp lực. Dịch vụ tư vấn tâm lý giúp học sinh giải quyết các vấn đề khó khăn, nâng cao sức khỏe tinh thần.

Ý kiến trái chiều:

Một số người cho rằng áp lực học tập là điều cần thiết để thúc đẩy học sinh cố gắng và đạt được thành tích cao. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại. Áp lực quá lớn có thể phản tác dụng, khiến học sinh mất đi niềm vui và sự hứng khởi trong học tập.

III. Kết bài

- Áp lực học tập là một vấn đề không thể tránh khỏi trong cuộc sống học đường. Tuy nhiên, nếu biết cách đối mặt và vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển. Hãy nhớ rằng, thành công không chỉ đến từ điểm số, mà còn đến từ sự tự tin, kỹ năng sống và niềm đam mê học hỏi.
- Bản thân em cũng từng trải qua những giai đoạn áp lực học tập. Tuy nhiên, nhờ sự động viên của gia đình và thầy cô, cũng như việc tự điều chỉnh và tìm ra phương pháp học tập phù hợp, em đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tích nhất định.

II. CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ TÁM CHỮ:

Đề 1: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu cảm nhận của em về bài thơ tám chữ sau:

MẸ (Bằng Việt)

*Con bị thương, nằm lại một mùa mưa
Nhớ dáng mẹ ân cần mà lặng lẽ
Nhà yên ắng, tiếng chân đi rất nhẹ,
Gió từng hồi trên mái lá ùa qua.*

[...]

*Con xót lòng, mẹ hái trái bưởi đào
Con nhạt miệng, có canh tôm nấu khế*

*Khoai nướng, ngô bung, ngọt lòng đến thế
Mỗi ban mai toả khói ấm trong nhà.*

*Ba con đầu đi chiến đấu nơi xa
Tình máu mủ mẹ dồn con hết cả,
Con nói mơ những núi rừng xa lạ
Tình ra rồi, có mẹ, hoá thành quê!*

(Trích *Mẹ, Bằng Việt*, in trong *Tác phẩm chọn lọc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2010)

Đề 2: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ nêu cảm nhận của em về bài thơ sau:

NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG

(Tế Hanh)

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi?
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu*

*Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu
Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy
Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy
Bầy chim non bơi lội trên sông
Tôi giơ tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngã
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn, gió biển
Vẫn trở về lưu luyến bên sông*

*Tôi hôm nay sống trong lòng miền Bắc
Sờ lên ngực nghe trái tim thầm nhắc
Hai tiếng thiêng liêng, hai tiếng “miền Nam”
Tôi nhớ không nguôi ánh nắng màu vàng
Tôi quên sao được sắc trời xanh biếc
Tôi nhớ cả những người không quen biết...
Có những trưa tôi đứng dưới hàng cây
Bỗng nghe dâng cả một nỗi tràn đầy
Hình ảnh con sông quê mát rượi
Lai láng chảy, lòng tôi như suối tươi
Quê hương ơi! lòng tôi cũng như sông
Tình Bắc Nam chung chảy một dòng*

*Không gành thác nào ngăn cản được
Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mơ ước
Tôi sẽ về sông nước của quê hương
Tôi sẽ về sông nước của tình thương*

6-1956

- Bài thơ được sáng tác khi tác giả tập kết ra miền Bắc sau cuộc kháng chiến chống Pháp.

III. PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

ĐỀ 1: Phân tích bài thơ “Lời ru của mẹ” của nhà thơ Xuân Quỳnh

Lời ru ẩn nơi nào

Giữa mệnh mang trời đất

Khi con vừa ra đời

Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ấm áp

Lời ru là tấm chăn

Trong giấc ngủ êm đềm

Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc

Thì lời ru đi chơi

Lời ru xuống ruộng khoai

Ra bờ ao rau muống

Và khi con đến lớp

Lời ru ở cổng trường

Lời ru thành ngọn cỏ

Đón bước bàn chân con

Mai rồi con lớn khôn

Trên đường xa nắng gắt

Lời ru là bóng mát

Lúc con lên núi thăm

Lời ru cũng gập ghềnh

Khi con ra biển rộng

Lời ru thành mệnh mong

ĐỀ 2: Phân tích bài thơ: *Than nỗi oan* (Trích *Tự tình khúc* - Cao Bá Nhạ)

*“Đuôi con mắt châu sa thấm giấy
Đầu ngón tay máu chảy pha son
Người đau phong cảnh cũng buồn
Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai*

*Mối tâm sự rồi mười phần thảm
Gánh gia tình nặng tám năm dư
Khi ngày mong bức xá thư
Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng*

*Hương thê nguyện khói nồng trước gió
Tờ tố oan mở ngỏ giữa trời
Tờ oan kể hết bao lời
Hương thê sao chữa thấu nơi cứu trùng”*

ĐỀ 3: Phân tích truyện ngắn sau:

CÚC ÁO CỦA MẸ (Nhất Bằng – nhà văn Trung Quốc)

Cậu còn nhớ sinh nhật 12 tuổi. Vừa sáng tinh mơ, đã nghe thấy mẹ nói: “Con trông đây là cái gì?”. Cậu mở to mắt, trước mặt là một chiếc áo mới, kiểu quân phục như cậu từng mơ ước, hai hàng cúc đồng, trên vai áo có ba vạch màu xanh, đó là một quần áo “thịnh hành” trong học

sinh. Cậu bỗng mừng rơn, vội mặc áo quần. Cậu muốn đến lớp, ra oai với các bạn. Từ nhỏ đến lớn, cậu toàn mặc quần áo cũ của anh, và chằng vá đụp nữa! Quả nhiên đúng như dự kiến, khi cậu bước vào lớp, ánh mắt của các bạn đều trở lên. Các bạn đều không ngờ được rằng, cậu bạn lúc nào cũng mặt mày lợt lém, đầu bù tóc rối bụi bặm cũng có lúc vẻ vang rạng rỡ như thế.

Cậu hoàn thành tiết học đầu tiên một cách vui vẻ, hời hợt hời dợt. Trong giờ giải lao, các bạn đều vây quanh cậu. Có bạn bỗng hỏi: “Ồ hay! Tại sao khuy áo của bạn không giống của chúng mình nhỉ?”

Lúc ấy, cậu mới nhìn kỹ cúc áo của mình, quả thật không giống cúc áo của người khác, hai dây thẳng đứng. Còn cúc áo của cậu lại nghiêng lệch, hai dây xếp thành hình chữ “vê” (V).

Các bạn bỗng đều cười òa lên. Thì ra, chỗ đính khuy trên chiếc áo trắng của cậu là một miếng vải cũ màu vàng. Cậu cũng hiểu ra, chắc là mảnh vải mẹ mua không đủ may áo, đành phải lót bên trong bằng mảnh vải khác, sợ người khác nhìn thấy cúc áo đành phải đính sang bên cạnh. Và cũng để người khác không nhìn thấy, mẹ đã khéo léo đính chéo hàng cúc kia, tự nhiên thành hình chữ “vê” (V).

Biết rõ sự thực, các bạn lại giễu cợt, khiến cho lửa giận bốc lên ngùn ngụt trong lòng cậu. Buổi trưa về đến nhà, cậu cắt nát vụn chiếc áo mới của mình. Mẹ cậu lao đến trước mặt con, giọng cao tay, nhưng cuối cùng không giáng xuống. Cậu liếc nhìn, thấy nước mắt mẹ chảy quanh trong khóe mắt, vội quay đầu chạy biến...(...) Từ hôm ấy trở đi, mẹ làm việc ít nghỉ tay. Cậu tận mắt thấy mẹ gầy sọp đi, thấy mẹ nằm bẹp rồi ra đi mãi mãi... Cậu rất muốn nói một câu: “Con xin lỗi mẹ”, mà không còn cơ hội nữa. Sau này, cậu cố gắng học tập, cậu có rất nhiều, rất nhiều tiền, rồi sửa sang phần mộ của mẹ nhiều lần.

Một hôm, cậu tham gia một cuộc trình diễn thời trang của nhà thiết kế bậc thầy. Có một người mẫu nam bước lên sàn diễn khiến mắt cậu bỗng căng lên, đầu óc kêu ong ong hỗn loạn. Bộ áo màu trắng với hai dây khuy đồng hình chữ “vê” (V). Bên trong có phải là...? Cậu không làm chủ được mình, lao lên sàn diễn, lật ra xem tấm áo của người mẫu nam, lót bên trong tự nhiên cũng là một mảnh vải vàng! Cậu quỳ sụp trước mặt người mẫu nam, òa khóc thống khổ.

Sau khi nghe cậu kể hết câu chuyện, tất cả những người có mặt tại hội trường đều trầm ngâm suy nghĩ mãi. Cuối cùng, một nhà thiết kế bậc thầy nói: “Thực ra, tất cả những người mẹ đều là các nhà nghệ thuật!”.

(**Vũ Phong Tạo** dịch, Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 3/2011, tr.45-46)

Đề 4: Phân tích đoạn trích sau:

CHỊ EM THUYẾT KIỀU

(trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du)

Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuyết Kiều là chị, em là Thuyết Vân.

Mai cốt cách tuyết tinh thần,

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn:

Làn thu thủy nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành,

Sắc đành đòi một tài đành họa hai.

Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Cung thương lầu bạc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.

Khúc nhà tay lựa nên chương,

Một thiên “Bạc mệnh” lại càng nỡ nhân. ..

(Trích **Truyện Kiều** của Nguyễn Du – Ngữ văn 9 tập 1- NXBGDVN-2015)

Đề 5: Phân tích truyện truyền kì sau:

HỒN TRƯỞNG BA DA HÀNG THỊT

(Nguyễn Dữ)

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung-quốc. Buổi ấy ở Trung-quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đọ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cười mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: - "Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: - "Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: - "Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống". Nói đoạn, cười mây bay về trời.

Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén nhang dặt ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương bèn xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:

- Trương Ba đâu?

Vợ Trương Ba sụt sùi:

- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!

- Chết rồi, sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống liền, để đến bây giờ còn làm thế nào được nữa.

Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua. Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn mình đến nhà người hàng thịt rồi bảo nhỏ với chị: - "Ta sẽ kiếm cách làm cho chồng nhà ngươi sống lại". Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.

Nói chuyện trong nhà người hàng thịt lúc đó, mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc kể lể thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhồm dậy. Hắn ta vát tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón vào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những họ bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng họ cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cộ nhau cuối cùng

biến thành một cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.

Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo đánh cờ mà thôi". Quan lại hỏi vợ người hàng thịt: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn".

Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi cờ vào tỷ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao không ai địch nổi. Quan bèn phán cho về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu Hồn Trương Ba, da hàng thịt.

IV. THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH, DI TÍCH LỊCH SỬ ĐỀ : NHÀ TÙ PHÚ LỢI.

1. Mở bài:

- Bình Dương là một trong những tỉnh có nhiều danh lam, thắng cảnh cũng như di tích lịch sử và trong đó có thể kể đến Nhà tù Phú Lợi, một trong những minh chứng cho tội ác của Mỹ-Diệm đã gây ra và cũng là nơi thể hiện tinh thần kiên cường bất khuất của người dân Việt Nam nói chung và nhân dân Bình Dương nói riêng đứng lên đấu tranh giành lại độc lập tự do.

2. Thân bài:

a. Vị trí địa lí:

- Từ đầu đường Một tháng mười hai, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Chạy thêm tầm vài trăm mét chúng ta sẽ thấy cổng khu di tích Nhà tù Phú Lợi nằm im lìm dưới những hàng cây xanh mát.

- Từ cổng chính di tích bước vào, ấn tượng đầu tiên mà chúng ta bắt gặp đó là biểu tượng "Phú Lợi cầm thù" sừng sững giữa đất trời.

b. Lịch sử hình thành.

- Được xây dựng vào năm 1957, hoạt động trong 8 năm từ năm 1957-1964, nơi đây là bằng chứng thép chứng minh tội ác của Mỹ - Ngụy tại miền Nam Việt Nam.

- Khu di tích nhà tù nằm ở trong một con hẻm nhỏ xung quanh có nhiều cây xanh với diện tích khoảng 77082 m². Bên trong có những ngôi nhà to nhỏ, ở gần vỉa hè có một lồng sắt hình tam giác có gai chứa tượng tù nhân. Nhà tù Phú Lợi được mệnh danh là "địa ngục trần gian", vì chúng áp dụng những cực hình tàn khốc nhất.

c. Kiến trúc:

- Nhà tù Phú Lợi được thiết kế bao gồm nhiều khu hành chính, khu gia đình binh sĩ và khu giam giữ gọi là An Trí Viên gồm có; Chi Lăng, Bạch Đằng, Đống Đa.

- Mỗi trại giam bao gồm 9 phòng giam được đánh theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng anh A, B, C, D... và được chia cách riêng biệt bằng khu hàng rào kẽm gai dày đặc.

- Xung quanh 3 trại giam là hệ thống tường kiên cố hai lớp được kèm thêm nhiều lớp kẽm gai. Hệ thống điện được phân bố dày đặc giúp phát hiện những dị thường vào ban đêm, hai cổng chính có treo tên bảng là "trung tâm cải huấn Phú Lợi" và "An Trí Viên".

- Nhìn từ xa, toàn cảnh nhà tù Phú Lợi hiện ra không chỉ là một di tích lịch sử mà còn là một biểu tượng của sự kiên trung và lòng yêu nước với kiến trúc đơn giản nhưng đầy sức mạnh, sự kiên cường.

- Khuôn viên nhà tù được bao quanh bởi một bức tường cao lớn, tạo cảm giác khắc nghiệt và áp bức. Bức tường này được xây dựng bằng đá và xi măng kiên cố, được thiết kế để ngăn chặn tù nhân trốn thoát, tượng trưng cho sự lạnh lẽo và tàn bạo của chế độ thực dân. Phía bên trong khuôn viên, có thể thấy những dãy nhà tù với mái ngói đỏ, sắp xếp theo một trật tự khép kín, biểu thị cho sự kiểm soát chặt chẽ và không gian tù túng của nhà tù thực dân. Cảnh quan thiên nhiên lại hoàn toàn tương phản với sự khắc nghiệt bên trong.

- Những hàng cây xanh mát, thoáng đãng và những con đường nhỏ dẫn vào khu di tích tạo nên một khung cảnh yên bình và tĩnh lặng. Nhưng ẩn sau sự bình yên ấy, nhà tù Phú Lợi vẫn là minh chứng sống động cho một giai đoạn đen tối của lịch sử dân tộc, toàn bộ di tích nhìn từ xa mang đến cho người xem cảm giác trang nghiêm, tôn kính và đầy xúc động.

d. Sự kiện lịch sử.

- Một sự kiện đã diễn ra vào những ngày cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1958, đó là “Vụ thảm sát Phú Lợi”. Thường lệ mỗi năm Mỹ Diệm tổ chức 4 đợt đày tù nhân “loại A” ở các nhà tù trong đất liền ra Côn Đảo vào những tháng 3,6,9,12 dương lịch.

- Trại giam Phú Lợi, sau khi phân loại có 450 tù nhân loại A – là đối tượng bị đày ra Côn Đảo vào cuối tháng 11/1958, với ý đồ bí mật thủ tiêu tù nhân chuyển đi này. Theo kế hoạch mỗi tù nhân bị đày sẽ được nhận khẩu phần bánh mì (có trộn thuốc độc) và thức ăn kèm theo. Mọi việc đã chuẩn bị hoàn tất vào 28/11/1958, nhưng liên tiếp những ngày này biến động mạnh, tàu không ra được vùng biển Vũng Tàu – Côn Đảo.

- Không từ bỏ giả tâm, ngày 30/11./1958, trại giam tiếp tục phát những phần bánh mì có độc cho tù nhân. Số tù nhân bị ngộ độc tăng nhanh, đau bụng, nôn mửa, co quắp, ...

- Đến ngày 01.12.1958, số tù nhân bị ngộ độc tăng lên hàng trăm người, nhiều người chết, số nằm hôn mê, bất tỉnh,... anh chị em tù nhân bệnh nặng bị dịch khiêng khỏi trại, đến ngày 02/12 và 03/12 số bệnh nhân nặng và chết càng đông, số người bị vùi tại chỗ, số nặng chuyển đi, nhưng số tù nhân ấy không thấy được chuyển lại Phú Lợi nữa.

- Trước tình hình đó các chiến sĩ của ta đã đấu tranh phá nhà giam và chiếm đài phát thanh để phát loa về tội ác của chúng. Điều đó gây nên làn sóng phản nộ trên khắp thế giới.

- Năm 1964 **nhà tù Phú Lợi** chính thức giải tán.

e. Ý nghĩa lịch sử.

- Nhà tù Phú Lợi không chỉ là một di tích lịch sử mà còn mang một câu chuyện bi thương, những ký ức đau đớn về một thời kỳ đau thương của đất nước.

- Nơi đây biểu tượng cho lòng dũng cảm của các đồng chí cách mạng và đồng bào yêu nước đã ngã xuống trong nhà tù vì độc lập, tự do, hạnh phúc cho quê hương đất nước.

-> Đây là niềm tự hào rất lớn đối với địa phương. Còn đối với đất nước thì nơi đây là biểu tượng cho lòng dũng cảm của cán bộ đảng viên, các đồng chí cách mạng và đồng bào yêu nước đã ngã xuống trong nhà tù vì độc lập, tự do, hoà bình, hạnh phúc cho quê hương đất.

- Nhà tù được xếp hạng Di tích lịch sử Quốc gia vào ngày 10/7/1980 và trở thành địa điểm tham quan thu hút du khách khi tới Bình Dương.

3. Kết bài:

- Di tích lịch sử nhà tù Phú Lợi là một địa điểm khá quen thuộc của người dân Bình Dương.

- Đây không chỉ là một bài học lịch sử sống động, mà còn là một điểm tham quan du lịch, là nơi cho các HS du khảo, học hỏi để hiểu thêm về lịch sử và truyền thống hào hùng của địa phương.

| GIÁO VIÊN CÙNG KHỐI ĐÃ THỐNG NHẤT | BAN GIÁM HIỆU DUYỆT <i>Ngày...../12/2024</i> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1. Võ Thị Diệu: 2. Hà Thị Hồng: 3. Phạm Thị Cẩm Oanh: 4. Nguyễn Thị Thu Thủy: | Phó hiệu trưởng Nguyễn Thị Miễn |